

## CH NG TRÌNH ÀO T O THEO H C CH TÍN CH

Ch ng trình ào t o: QU N TR V N PHÒNG  
Trình ào t o: CAO NG  
Ngành ào t o: QU N TR V N PHÒNG  
Lo i hình ào t o: CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quy t nh s 121/Q -C SP ngày 15 tháng 9 n m 2008  
c a Hi u tr ng tr ng C SP TT Hu )

### 1. M c tiêu ào t o:

#### 1.1. M c tiêu chung

Ch ng trình ào t o ngành Qu n tr v n phòng, trình cao ng nh m ào t o cán b áp ng c nh ng yêu c u i m i c a t n c trong th i k công nghi p hoá, hi n i hoá. Các cán b qu n tr v n phòng c ào t o ph i có t t ng, ph m ch t o c t t, có s c kho , có ki n th c v à k n ng theo yêu c u, có kh n ng áp ng c nh ng i m i c a xã h i trong t ng lai; có k n ng nghiên c u, t b i d ng nghiên c u khoa h c.

#### 1.2. M c tiêu c th

Sinh viên ngành Cao ng Qu n tr v n phòng ph i n m v ng ki n th c chuyên môn và nh ng ki n th c nghi p v b tr cho m t chuyên viên qu n tr v n phòng và l u tr có th làm th ký t ng h p, l u tr h c, tin h c ng d ng trong công tác v n phòng và công tác l u tr .

Sinh viên t t nghi p có th m nh n công vi c t i các v n phòng u ban nhân dân t nh, thành ph /huy n, ngành, v n phòng c quan ng, oàn th , doanh nghi p a ph ng, các c quan qu n lý l u tr chuyên ngành...

**2. Th i gian ào t o:** 3 n m, chia làm 6 h c k

**3. Kh i l ng ki n th c toàn khóa:** 106 tín ch , ch a k các ph n n i dung v Giáo d c th ch t và Giáo d c qu c phòng – Anh ninh.

**4. i t ng tuy n sinh:** h c sinh ã t t nghi p trung h c ph thông

**5. Quy trình ào t o, i u ki n t t nghi p:** Th c hi n theo quy ch ào t o i h c và cao ng h chính quy theo h th ng tín ch , ban hành theo quy t nh s 43/2007/Q -BGD T ngày 15/8/2007 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o

## 6. Thang i m:

### 7. N i dung ch ãng trình (tên và kh i l ãng các h c ph n)

#### 7.1. Khung ch ãng trình ào t o

<b>7.1.1</b>	<b>Ki n th c giáo d c i c ãng t i thi u</b> (ch a k các ph n n i dung Giáo d c th ch t và Giáo d c qu c phòng)	<b>35</b>
<b>7.1.2</b>	<b>Ki n th c giáo d c chuyên nghi p t i thi u</b> Trong ó t i thi u:	<b>71</b>
	- Ki n th c c s kh i ngành và c a ngành	19
	- Ki n th c ngành (k c ki n th c chuyên ngành)	33
	- Ki n th c b tr (t ch n)	04
	- Th c t p ngh nghi p và thi t t nghi p	15

TT	Mã HP	Kh i KT/tên HP	S TC	Lo i gi t n ch				HP tiên quy t
				Lên l p		TH/TN	T NC	
				LT	T.lu n/ bài t p			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>		<b>Kh i ki n th c giáo d c i c ãng</b>						
<b>I</b>		<b>Lý lu n chính tr</b>	<b>10</b>					
1	<b>1 01 001</b>	Nh ãng nguyên lý c b n c a CN Mác – Lênin 1	2	2				
2	<b>1 01 002</b>	Nh ãng nguyên lý c b n c a CN Mác – Lênin 2	3	3				<b>1 01 001</b>
3	<b>1 01 003</b>	T t ãng H Chí Minh	2	2				
4	<b>1 01 007</b>	ãng l i cách m ãng c a ãng CS VN	3	3				
<b>II</b>		<b>Ngo ãng , Tin h c không chuyên</b>	<b>9</b>					
1	<b>1 60 001</b>	Ti ãng Anh 1	3	3				
2	<b>1 60 002</b>	Ti ãng Anh 2	2	2				<b>1 60 001</b>
3	<b>1 60 003</b>	Ti ãng Anh 3	2	2				<b>1 60 002</b>
4	<b>1 62 001</b>	Tin h c i c ãng	2	2				
<b>III</b>	<b>1 72 001</b>	<b>Giáo d c th ch t</b>	3			3		
<b>IV</b>	<b>1 75 001</b>	<b>Giáo d c qu c phòng – An ninh</b>	6	6				
<b>V</b>		<b>Khoa h c t nhiên</b>	<b>4</b>					
1	<b>1 20 010</b>	Th ãng kê	2	2				
2	<b>1 42 001</b>	Môi tr ãng và con ãng i	2	2				
<b>VI</b>		<b>Khoa h c xã h i và nhân v n</b>	<b>8</b>					

1	1 02 001	Pháp luật i c ng	2	2				
2	1 02 002	Qu n lý hành chính nhà n c	2	2				
3	1 47 001	Ti ng Vi t th c hành	2	2				
4	1 01 005	M h c i c ng	2	2				
<b>VII</b>		<b>T ch n (SV ch n 2/3 HP - 4 TC)</b>	<b>4</b>					
1	1 41 001	L ch s v n minh th gi i	2	2				
2	1 01 006	Xã h i h c	2	2				
3	1 47 002	C s nông ng h c	2	2				
<b>B</b>		<b>Kh i ki n th c giáo d c chuyên nghi p</b>						
<b>I</b>		<b>Ki n th c c s kh i ngành và ngành</b>	<b>19</b>					
1	1 02 102	Lu t Nhà n c Vi t Nam	2	2				
2	1 05 101	Qu n tr h c	3	3				
3	1 01 004	Lôgíc h c	2	2				
4	1 03 101	Tâm lý h c qu n lý	3	3				
5	1 40 101	C s v n hóa Vi t Nam	2	2				
6	1 05 102	L u tr h c i c ng	2	2				
7	1 02 103	Lu t hành chính Vi t Nam	3	3				
8	1 05 103	Qu n tr hành chính v n phòng	3	3				1 05 101
<b>II</b>		<b>Ki n th c ngành</b>	<b>33</b>					
1	1 05 401	Nghi p v v n th	3	3				
2	1 05 402	V n b n qu n lý nhà n c	2	2				
3	1 05 403	K thu t so n th o v n b n	2	2				
4	1 06 401	Nghi p v th ký v n phòng	3	3				
5	1 05 404	Nghi p v k toán v n phòng	2	2				
6	1 05 405	Công tác VTLLT trong các c quan ng	2	2				
7	1 05 406	T ch c lao ng KH và thi t b VP	2	2				
8	1 05 407	Tin h c ng d ng trong qu n tr VP	3	3				1 62 001
9	1 05 408	T ch c TLLT và phân lo i TLLT	2	2				
10	1 05 409	Xác nh giá tr TLLT và b sung TLLT	2	2				
11	1 05 410	Th ng kê và t ch c công c tra c u TLLT	2	2				
12	1 05 411	Ch nh lý và b o qu n TLLT	3	3				
13	1 05 412	T ch c và s d ng TLLT và QLNN v LT	2	2				
14	1 05 413	L u tr TL KHKT, TL nghe nhìn, TL i n t	3	3				
<b>III</b>		<b>T ch n (SV c ch n 2/3 HP = 4 tc)</b>	<b>4</b>					
1	1 05 414	Qu n tr nhân s	2					
2	1 05 415	Thông tin ph c v lãnh o và qu n lý	2	2				
3	1 03 114	Khoa h c giao ti p	2	2				
<b>IV</b>		<b>Th c t p, thi t t nghi p, khóa lu n</b>						
1		Nghiên c u th c t	1 tu n					
2	1 05 951	Th c t p	<b>10</b>			10		
3	1 05 952	Khóa lu n	<b>5</b>				5	

4	<b>1 05 953</b>	<i>Qu n lý Nhà n c v kinh t</i>	<b>2</b>	2				HP thay khóa lu n
5	<b>1 05 954</b>	<i>Qu n lý Nhà n c v VH, XH, GD, YT</i>	<b>3</b>	3				HP thay khóa lu n
		<b>T ng s vtc toàn khóa</b>	<b>106</b>					

**HI U TR NG  
CH T CH H KH& T**